TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN TT- TP HÀ NỘI	**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 247/2025/QĐST- HNGĐ	*TT, ngày 22 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 397, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 126/2025/TLST- VHNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Tiến T**, sinh năm 1979;
- Chị **Trương Thị N**, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Thôn PN, xã PK, huyện TT, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PK, huyện TT, thành phố Hà Nội vào ngày 07/8/2018. Anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và đảm bảo về thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh, chị được xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh T, chị N chung sống với nhau thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Chị N đi làm xa nhà, không có thời gian chăm sóc con và gia đình. Anh T và chị N sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án giải quyết, đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Mâu thuẫn giữa anh T

và chị N đã xảy ra và tình cảm không hàn gắn được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N có 01 con chung là Lê Sỹ Phúc T2, sinh ngày 17/9/2018. Anh chị thống nhất thỏa thuận, giao cháu Lê Sỹ Phúc T2 cho anh Lê Tiến T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Lê Sỹ Phúc T2 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Trương Thị N cho đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định thay đổi khác.

Việc thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với hoàn cảnh, điều khiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3]. *Về tài sản chung và nợ*: Anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Tòa án không xem xét.

[4]. *Về lệ phí*: Anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N.

+ *Về con chung*: Anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N có 01 con chung là Lê Sỹ Phúc T2, sinh ngày 17/9/2018. Giao cháu Lê Sỹ Phúc T2 cho anh Lê Tiến T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Lê Sỹ Phúc T2 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Trương Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Lê Tiến T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Trương Thị N cho đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

+ *Về tài sản chung và nợ*: Anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N đều xác định không có.

+ *Về lệ phí*: Anh Lê Tiến T và chị Trương Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0059157 ngày 11/4/2025 và

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0059158 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- CCTHADS huyện TT;
- UBND xã PK, huyện TT
(nơi thực hiện đăng ký kết hôn);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN

Nguyễn Tất Thành